

LỄ GHÉT THƯƠNG

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

(2 tiết)

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được tư tưởng vì dân, vì đời, ghét hôn quân bạo chúa của tác giả qua lời ông Quán.

– Thấy được nghệ thuật dùng điệp ngữ, thành ngữ, tiểu đối, từ láy giàu sắc thái biểu cảm của tác giả trong đoạn trích.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Vị trí đoạn trích trong tác phẩm và nhân vật ông Quán

Phần *Tiểu dẫn* đã giới thiệu kĩ, song vì đoạn trích rất khó dạy, do có nhiều điển tích xa lạ và khô khan, mang nặng tính chất nghị luận, GV phải nắm kĩ vị trí đoạn trích trong tác phẩm thì dạy học mới có hiệu quả. Các điển tích, nếu biết khai thác cũng gây được ấn tượng cho HS. Đoạn trích là lời than đời, lời cảm khái của ông Quán nhân nhìn thấy bọn tiểu nhân Trịnh Hâm, Bùi Kiệm huênh hoang, bắt tài mà lại nghi ngờ kẻ chân tài Vân Tiên, Từ Trục là gian lận. Đó chính là "việc tầm phào" mà ông Quán ghét. Ông Quán là hình ảnh nhà nho mai danh ẩn tích, như ông Ngự, ông Tiểu, thực tế là không tên, lấy nghề nghiệp mưu sinh làm tên, nhưng lại là người phát ngôn cho tư tưởng của tác giả.

Xét tình huống trong đoạn trích thì lí do để ông Quán "ghét việc tầm phào" là đúng, nhưng trên thực tế ông Quán mượn có "việc tầm phào" để bày tỏ lễ ghét thương có ý nghĩa rất to lớn và sâu xa. Ông Quán ở đây là nhà nho thông hiểu kinh sử (kinh là kinh điển của nhà nho, sử là sử sách nói chung), là hoá thân của nhà nho Nguyễn Đình Chiểu để trực tiếp phát ngôn về lễ yêu ghét. Bối cảnh xã hội để ông Quán bàn lễ yêu ghét rộng lớn hơn rất nhiều so với tình huống của đoạn trích. Có thể nói đó là lễ yêu ghét trong toàn bộ *Truyện Lục Vân Tiên*, cũng là yêu ghét nói chung ở đời.

b) Về tư tưởng yêu ghét trong đoạn trích

Đoạn trích 32 dòng mà có tám chữ *ghét* và chín chữ *thương*, mật độ điệp ngữ dày đặc có tác dụng biểu hiện tư tưởng trong đoạn trích. Lẽ ghét thương là tư tưởng, tình cảm của ông Quán nảy sinh từ tình trạng thối nát của các đời vua ("việc tầm phào") và nhân vật trong lịch sử Trung Quốc mà nhà nho am hiểu. Các đời vua và nhân vật ấy đã trở thành điển cố quen thuộc của nhà nho xưa, ai cũng biết, song lại khá xa lạ đối với HS ngày nay. Vì vậy, GV cần yêu cầu HS đọc kĩ chú thích điển cố để hiểu tư tưởng của đoạn trích.

Ví dụ, vua Kiệt là đời vua cuối cùng của thời nhà Hạ, hoang phí của cải, chơi bời trác táng. Sử chép : "Xây núi thịt, rừng thịt khô, đào ao đựng rượu, đi thuyền trong ao rượu, đào hầm làm Trường Dạ cung (cung đêm dài) để nam nữ tạp giao trong đó". Vua Kiệt lập đội nữ nhạc công gồm ba vạn người, âm nhạc vang xa ba cánh đồng. "Vua Trụ cuối nhà Thương lấy thịt người nuôi thú dữ, moi tim trung thần là Tử Can để xem bầy khiêu. Trụ cũng đào ao chứa rượu, treo thịt làm chén, nam nữ trần truồng đuổi nhau, lập chín chợ trong cung, uống rượu suốt đêm,...".

U Vương thời nhà Chu muốn làm cho người đẹp Bao Tự mỉm cười đã liều lĩnh cho đốt đài phong hoả gọi các nước chư hầu đem quân đến cứu để đùa chơi. Tề Hoàn Công đã ném hết các thứ sơn hào hải vị, ăn gì cũng không còn biết ngon, cuối cùng muốn ăn thịt trẻ con hấp. Đầu bếp của vua là Dịch Nha bèn giết con nhỏ của mình đem hấp cho vua ăn !

Đến khi nhà Chu suy tàn, nước chư hầu nào mạnh thì xưng bá, sai khiến các nước yếu. Muốn xưng bá thì phải kéo bè kéo cánh, lừa dối, xúi giục, gây chiến tranh liên miên.

Từ các ví dụ trên, GV cần cho HS thấy rõ ông Quán ghét các đời vua hoang dâm, tàn bạo, gây hại cho dân.

Về phân thương, ông Quán thương "đức thánh nhân", thương thầy Nhan Tử (Nhan Hôi), ông Gia Cát Lượng, thầy Đổng Tử (Trọng Thụ), ông Nguyên Lượng (Đào Tiềm), ông Hàn Dũ, các ông Chu Đôn Di (Liêm), Trình Hạo, Trình Di (Lạc). Các vị này là bậc thầy đạo Nho, có đức có tài nhưng không gặp vận, không có dịp đem tài giúp nước. GV giới thiệu cho HS biết Khổng Tử là nhà tư tưởng vĩ đại của Trung Quốc cổ xưa, học thuyết của ông đương thời, dù đã đi giảng giải cho vua nhiều nước, không được tiếp nhận. Mãi đến thời nhà Hán, với sự đề xướng của Đổng Trọng Thụ, học thuyết của Khổng Tử mới trở thành tư tưởng thống trị trong xã hội Trung Quốc suốt hàng nghìn năm. GV đọc kĩ phân chú thích để hiểu được

thực chất lòng thương của Nguyễn Đình Chiểu là thương người hiền tài, nhưng không gặp được thời vận để đứng ra giúp đời.

2. Về phương pháp

a) Bài này tuy ngắn nhưng lại khó do có nhiều điển tích và hiện tượng lịch sử xa lạ. Vì vậy, GV nên dành thời gian kiểm tra HS đã đọc và hiểu hết các chú thích hay chưa. HS phải hiểu hết các chú thích mới biết cái gì đáng ghét và cái gì đáng thương. Có thể nêu câu hỏi để HS trả lời.

b) Có thể soạn bài dựa theo các câu hỏi hướng dẫn học bài, làm cho HS nắm vững nhà thơ ghét và thương những gì, đặc biệt là tư tưởng lấy dân làm gốc thấm nhuần trong các điều ghét và thương ấy.

c) Sau khi HS hiểu được bốn vấn đề nội dung, cho HS đọc lại một lần và nêu nhận xét về nghệ thuật ở Câu hỏi 5.

d) Về bài tập nâng cao, hướng dẫn HS khái quát từ thực tế tư liệu trong đoạn trích.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

– Hướng dẫn HS đọc đoạn trích một lần.

– Kiểm tra HS về nghĩa của một số từ ngữ : *việc tâm phào, đa đoan, phân vân, phân băng, phui pha, ngôi mà không ngôi.*

2. Phần nội dung chính

Câu hỏi 1

Tìm hiểu câu thơ : "Vì chung hay ghét cũng là hay thương". Câu thơ tuyên ngôn về lẽ yêu và ghét của ông Quán như một yêu cầu đạo đức, lí tưởng của con người. Thương và ghét là hai mặt đối lập của một tình cảm thống nhất. Đã thương cái tốt đẹp tất phải ghét cái xấu xa, ngược với các điều tốt. Câu nói của ông Quán cho thấy tình cảm ghét thương của ông gắn với lí tưởng thương dân rất sâu sắc.

Câu hỏi 2

Lời ông Quán nói về kinh sử cho thấy ông ghét những loại người nào ? Vì lí do gì ? GV cho HS trả lời câu hỏi, nêu câu hỏi gợi ý để HS phân tích văn bản, nêu từng trường hợp. Như việc "Kiệt, Trụ mê dâm". Vua Kiệt mê say Muội Hí, xây Dao Đài (đài bằng ngọc), cung Trường Dạ làm nơi ăn chơi hưởng lạc. Vua Trụ đào "tử trì"

(ao rượ), làm "nhục lâm" (rừng thịt) để cùng Đát Kỉ xem chơi. Hoặc việc U Vương "đa đoan" tìm cách để Bao Tự cười. Bao Tự vốn là một cô con gái bị bỏ rơi, người ta nhặt được, nuôi lớn rồi tiến cho U Vương, tên vua nổi tiếng hiếu sắc ở cuối thời Tây Chu. Từ ngày được lập làm chính cung thay Khương Hậu bị phế, Bao Tự vẫn u sầu, chẳng cười bao giờ. Thấy Bao Tự nói rằng tiếng xé lụa sạt nghe cũng vui tai, U Vương truyền cho quan coi kho mỗi ngày phải vào kho lấy một trăm tấm lụa, rồi sai các cung nữ có sức khoẻ đứng xé lụa để Bao Tự nghe. Tuy vậy, Bao Tự vẫn không cười. Để làm kì được Bao Tự bật cười, U Vương cho đốt lửa ở đài phong hoá, thúc trống lớn như để báo hiệu kinh đô bị uy hiếp. Các nước chư hầu thấy lửa cháy rực trời, tiếng trống âm âm như sấm, vội mang binh mã đến cứu. Đến nơi thì chỉ thấy U Vương đang cùng Bao Tự ngồi trên đài cao yến ẩm tưng bừng. Nhìn cảnh quân tướng các nơi tất tả kéo đến rồi lại chùng hững rút về, Bao Tự vỗ tay thích chí cả cười. Việc Ngũ bá, năm lãnh chúa của năm nước chư hầu cuối thời Xuân thu, "chuộng bề dối trá", sát phạt nhau để giành ngôi bá chủ, hoặc việc vua và các lãnh chúa ở cuối thời Đường (thúc quý) "sớm đầu tối đánh", hỗn chiến liên miên, theo cách nhìn của ông Quán là "việc tầm phào", những việc làm vô nghĩa chỉ hoang phí của cải sức lực của dân, của nước mà thôi.

Phần nói về "lẽ ghét" gồm mười câu, sau hai câu mở đầu, tám câu tiếp theo, cứ câu trên nói nỗi ghét cụ thể đối với vua chúa, thì câu dưới tả cảnh khổ của dân :

- Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm → Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
- Ghét đời U, Lệ đa đoan → Khiến dân luống chịu lâm than muôn phần.
- Ghét đời Ngũ bá phân vân - Chuộng bề dối trá → làm dân nhọc nhằn.
- Ghét đời thúc quý phân băng - Sớm đầu tối đánh, lằng nhằng → rối dân.

Hôn quân bạo chúa các đời này sở dĩ là kẻ đáng ghét nhất, vì chúng chẳng quan tâm gì đến đời sống của dân, mà chỉ làm hại dân, đẩy dân vào cảnh lâm than khổ cực. Nghệ thuật điệp ngữ tạo nên một điệp khúc buồn có tác dụng nhấn mạnh những điều đáng ghét !

Qua lời ông Quán, có thể thấy tác giả đã đứng hẳn về phía nhân dân bị áp bức mà lên án bọn vua chúa bạo ngược, bất nhân.

Câu hỏi 3

Trong phần nói về "lẽ thương", ông Quán toàn dẫn những chuyện về bậc hiền tài phải chịu số phận lận đận, ước nguyện giúp đời không thành. Khổng Tử bốn ba khắp chốn, luôn luôn hi vọng có dịp thực hiện hoài bão cứu đời, nhưng đến đâu cũng không được tin dùng, mấy lần còn suýt bị hãm hại, như lần đi qua ấp Khuông,

trên đường rời nước Vệ sang nước khác. Nhan Tử (Nhan Hôi), có đức có tài, nhưng mệnh yếu, công danh lỡ dở. Gia Cát Lượng có tài kinh bang tế thế, túc trí đa mưu, hết lòng tận tụy, nhưng "gặp cơn Hán mạt" (vận nhà Hán đã hết), sự nghiệp rốt cuộc không thành, "tài lãnh" uổng phí. Đổng Trọng Thư từng góp công lớn trong việc xây dựng một vương triều thống nhất thời Hán Vũ Đế, nhưng sau vì một lời khuyên vua trái tai, lại bị nhà vua bắt giam, suýt chết, rồi bị cách hết chức vị phải về quê. Đào Tiềm (Đào Uyên Minh) tưởng có thể thông qua con đường làm quan để thực hiện hoài bão "cứu giúp dân đen", nhưng lại thấy không thể thoả hiệp với một vương triều thối nát, nên ở giữa tuổi tráng niên cũng đành từ bỏ công danh về nhà, tự cày lấy ruộng mà ăn. Hàn Dũ chỉ vì đã dám dâng biểu can vị vua quá sùng tín đạo Phật "dễ làm mê hoặc dân chúng" mà bị giáng chức và bị đày đi xa. Ba thầy trò Liêm Lạc gồm thầy Chu Đôn Di và hai học trò Trình Hạo, Trình Di, đều là các bậc đại nho, yêu dân, yêu đạo, nhưng vì coi thường chữ lợi, mà bị phái "Tân đảng" của Vương An Thạch "xua đuổi" khỏi triều đình.

Qua các ví dụ trên, HS thấy rõ ông Quán thương người hiền tài, tiếc cho họ không có dịp giúp dân, cứu dân. Như vậy, tình thương của ông Quán suy cho cùng là thương dân, thương đời. Cảnh ngộ của Nguyễn Đình Chiểu khi viết *Truyện Lục Vân Tiên* ít nhiều cũng có nét giống những nhân vật lịch sử mà ông Quán đã dẫn trong đoạn trích. Là một nho sĩ, Nguyễn Đình Chiểu cũng từng mơ ước "lập thân" để "trả nợ nước non", nhưng ngay từ thuở mới bước chân vào đời đã gặp bao nỗi bất hạnh cực kì đau đớn. Cho nên, trong niềm thương những bậc hiền tài kia có một phần là thương mình.

Tóm lại, ông Quán thương kẻ hiền tài, tiếc họ không có dịp cứu giúp cho dân, cho đời.

Câu hỏi 4

Điểm tất cả những đối tượng ghét và thương của ông Quán, có thể thấy vấn đề mà tác giả quan tâm là cuộc sống lầm than của đông đảo dân đen dưới ách thống trị của vua chúa bạo ngược và số phận long đong của những nho sĩ hiền tài không gặp vận, gặp thời. Dẫn liệu lấy từ sử sách của Trung Quốc xa xưa đều được lựa chọn để ngụ ý ít nhiều nói về hiện tình xã hội Việt Nam dưới chế độ nhà Nguyễn. Chế độ áp bức, bóc lột nặng nề của nhà Nguyễn đã đẩy nhân dân vào cuộc sống đói khổ cùng cực. Về việc xây lăng tẩm tốn kém, đời Tự Đức đã xảy ra cuộc nổi dậy của người dân lao động, sử gọi là "giặc chày vôi", đã có câu ca dao: "Vạn Niên là Vạn Niên nào - Thành xây xương lính, hào đào máu dân". Dưới triều nhà Nguyễn, biết bao hiền tài đã chẳng được dùng lại còn bị vùi dập. Cao Bá Quát cũng là người có tài lớn, thi nhiều lần mà chỉ đỗ đạt thấp, cuối cùng nổi dậy

chống lại triều đình và bị giết chết. Bùi Hữu Nghĩa vì cương trực mà không tránh khỏi ngục tù. Nguyễn Công Trứ "một niềm trung trinh báo quốc" cuối cùng bị biến thành "con rối làm trò cười cho thiên hạ". Cho nên, đằng sau những chuyện mượn từ sử sách xa xưa còn có bóng dáng thực tế lịch sử đang diễn ra.

Câu hỏi 5

Tất cả những điều ghét thương trong cuộc sống thường xuyên dội vào tâm tư Đỗ Chiểu, con người nặng tình với dân với đời, đã làm ông phải xót xa. Cho nên nói chuyện đạo lí, kinh sử đời xưa mà giọng lại không nén được buồn giận, đắng cay. Nhiều chữ dùng tuy mộc mạc nhưng đầy sức mạnh và giàu cảm xúc, tưởng như còn nóng hổi hơi thở của cuộc sống như : *ghét cay ghét đắng, sa hãm sẩy hang, lằng nhằng rối dân, phui pha, ngùi ngùi...* Lối dùng điệp ngữ dồn dập, cụm từ "ghét đời" được lặp đến tám lần ở mười câu liền nhau, cụm từ "thương ông", "thương thầy" cũng lặp chín lần như thế ở mười bốn câu, rất có hiệu quả trong việc diễn đạt thái độ ghét thương dứt khoát, mãnh liệt của tác giả. Ngoài ra, đoạn thơ còn sử dụng nhiều tiểu đối, tức là *hình thức đối trong câu*, ví dụ như : *Vì chung hay ghét // cũng là hay thương, sa hãm // sẩy hang, sớm dẫu // tối đánh, Chí thời có chí // ngôi mà không ngôi, Sớm dăng lời biểu // tối dầy đi xa...* Các tiểu đối làm cho câu thơ nhịp nhàng, cân đối, mang vẻ đẹp cổ điển. Cũng cần lưu ý lời thơ trong *Truyện Lục Vân Tiên* chủ yếu là văn nói, lượng từ khẩu ngữ rất nhiều, cho nên các từ khẩu ngữ được sử dụng rất nhiều và thích hợp.

3. Phân củng cố

Đoạn trích *Lẽ ghét thương* qua lời ông Quán đã thể hiện tập trung tư tưởng thương dân, thương đời sâu sắc của Nguyễn Đình Chiểu. Vì thương dân, thương đời mà ông ghét bọn hôn quân, bạo chúa, bất nhân ; vì thương dân, thương đời mà ông yêu thương các bậc hiền tài, tiếc cho họ không có dịp đóng góp tài năng để cứu đời. Đằng sau lẽ ghét thương là tình thương dân, thương đời sâu sắc, bao la.

Tuy dùng nhiều điển tích lịch sử Trung Quốc, nhưng lời thơ mộc mạc, khẩu ngữ ("tắm phào", "lằng nhằng") lại thêm nghệ thuật điệp ngữ, tiểu đối điêu luyện, đoạn trích vẫn giàu sức truyền cảm đến người đọc.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Lê Trí Viễn, *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng nhìn càng sáng*, NXB Giáo dục, 1998.

– *Nguyễn Đình Chiểu – Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Ngọc Thiện – Hà Công Tài tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2000.